VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

(Tiếp theo Công báo số 625 + 626)

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 5
LẬP KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐỂ SỬ DỤNG MÁY TÍNH BẢNG

Điều 20. Lập kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ và thực hiện các thủ tục mua hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho đối tượng được hỗ trợ máy tính bảng

1. Lập kế hoạch, dự toán hỗ trợ trang bị máy tính bảng:

a) Căn cứ Quyết định phân bổ máy tính bảng cho các địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong 10 ngày, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập kế hoạch mua sắm, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng trình Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức thực hiện mua sắm máy tính bảng theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua

sắm hàng hóa sử dụng vốn nhà nước; ký hợp đồng với doanh nghiệp trúng thầu để triển khai cung cấp máy tính bảng cho các đối tượng được nhận máy tính bảng theo quy định.

2. Lập kế hoạch, dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Căn cứ lập kế hoạch, dự toán:

- Quyết định phân bổ máy tính bảng của Bộ Thông tin và Truyền thông cho các địa phương;

- Danh sách hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Giá dịch vụ viễn thông công ích; mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

- Tình hình thực tế của doanh nghiệp.

b) Các doanh nghiệp lập kế hoạch, dự toán thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng theo Mẫu số 04/KH-DV, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và báo cáo thuyết minh kế hoạch, dự toán gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 30 tháng 9 năm trước năm kế hoạch. Riêng kế hoạch, dự toán năm 2022, gửi chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông có Quyết định phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho các tỉnh;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông giao cơ quan chức năng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các doanh nghiệp báo cáo;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Nội dung Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được ký kết giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (được ký cho cả giai đoạn và chia ra hàng năm).

2. Nội dung hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên dịch vụ;

b) Số lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ;

c) Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;

d) Phạm vi triển khai, đối tượng thụ hưởng;

đ) Giá, đơn giá, mức hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích;

e) Giá trị hợp đồng;

g) Thời gian triển khai, thời gian hoàn thành;

h) Tạm ứng, thanh toán;

i) Phương thức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;

k) Trách nhiệm báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện hợp đồng;

l) Quyền và nghĩa vụ và của bên đặt hàng và bên cung cấp dịch vụ;

m) Xử lý do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết;

n) Các thỏa thuận khác của các bên.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông có thể bổ sung một số nội dung khác để phù hợp với yêu cầu quản lý đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam gửi 01 bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi, giám sát thực hiện. Trường hợp phát sinh các nội dung vượt thẩm quyền, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam báo cáo, xin ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông về dự thảo hợp đồng đặt hàng trước khi ký kết.

Điều 22. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng

1. Tạm ứng: Thực hiện theo quy định của hợp đồng thực hiện gói thầu.

2. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành:

a) Doanh nghiệp trúng thầu lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam chậm nhất 20 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thực hiện hợp đồng thực hiện gói thầu;

b) Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu và hồ sơ thanh toán theo Mẫu số 03/BCKP-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản chính Biên bản bàn giao (bao gồm Bảng kê danh sách hộ gia đình nhận bàn giao máy tính bảng) theo Mẫu số 02/BBBG-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thanh toán:

Căn cứ biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và đề nghị thanh toán của các doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện thanh toán cho các doanh nghiệp tối đa 95% giá trị đã thực hiện, đồng thời thu hồi số kinh phí đã tạm ứng. Giá trị thực hiện còn lại sẽ thanh toán sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán.

4. Quyết toán:

a) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyên thông xem xét, phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng theo từng hợp đồng thực hiện gói thầu với các nhà thầu. Thời hạn báo cáo quyết toán chậm nhất 02 tháng, kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thực hiện hợp đồng thực hiện gói thầu;

b) Thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình.

Điều 23. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Nội dung về tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được nhận máy tính bảng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và đối tượng được nhận hỗ trợ máy tính bảng

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Quyết định phân bổ và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về số lượng máy tính bảng được hỗ trợ từ Chương trình phân bổ cho từng tỉnh;

b) Phê duyệt kế hoạch mua sắm, dự toán kinh phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng và kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; phê duyệt quyết toán kinh phí sử dụng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

c) Chỉ đạo Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích từ Chương trình;

đ) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi thẩm quyền pháp luật quy định;

e) Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình về hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp, cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b) Phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; kết quả rà roát hộ nghèo định kỳ hàng năm theo quy định.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Phối hợp, cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ máy tính từ các nguồn khác thuộc Chương trình "Sóng và máy tính cho em";

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp bàn giao máy tính bảng cho các đối tượng được nhận hỗ trợ và hướng dẫn học sinh của các hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng sử dụng thiết bị cho mục đích học tập.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Phối hợp, cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra theo dõi, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn;

d) Bố trí ngân sách địa phương cho các cơ quan quản lý nhà nước các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Đối tượng được nhận máy tính bảng:

a) Tạo điều kiện để học sinh là thành viên trong hộ gia đình được sử dụng máy tính bảng phục vụ học tập; sử dụng máy tính bảng trong hộ gia đình để khai thác thông tin phục vụ phát triển kinh tế và thông tin thiết yếu khác trên mạng Internet theo nhu cầu;

b) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng và phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục phát triển thuê bao, thay đổi dịch vụ sử dụng, tạm dừng, đưa thuê bao ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích quy định tại Mục 4, Chương II Thông tư này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ảnh về Bộ Thông tin và Truyền thông để được giải đáp, hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

CẤU HÌNH KỸ THUẬT TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI MÁY TÍNH BẢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Chỉ tiêu	Thông số kỹ thuật tối thiểu
1	Màn hình	>= 8 inch. Độ phân giải tối thiểu HD (1280 x 800), IPS (Khuyến nghị ưu tiên màn hình 10 inch)
2	RAM	>= 3GB
3	Lưu trữ	>= 32GB
4	Hệ điều hành	Hệ điều hành cho thiết bị di động (Android™ 10/iOS 12... hoặc phiên bản cao hơn
5	Camera	Trước 2.0MP/Sau 5.0MP hoặc Trước 5.0MP/Sau 2.0MP
6	Microphone	>= 1 Microphone
7	Loa	>= 2 loa
8	Kết nối	4G hoặc các thế hệ mạng tiếp theo
9	Wi-Fi	802.11 b/g/n
10	Bluetooth®	Tối thiểu 4.0
11	Cổng	• 1x Headphone/microphone combo jack (3.5mm) • 1x Pin connector • 1x USB-C 2.0
12	Pin	Dung lượng Pin tối thiểu 5000mAh
13	Tiêu chuẩn chống nước - IPx5	Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền

STT	Chỉ tiêu	Thông số kỹ thuật tối thiểu
14	Ứng dụng sử dụng Internet chất lượng, an toàn	- Ứng dụng kiểm tra chất lượng Internet: i-Speed - Ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin.
15	Tiêu chuẩn tiết kiệm điện - Energy Star	Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền
16	Sử dụng chất liệu thân thiện môi trường (RoSH)	Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền
17	Công nghệ lọc ánh sáng xanh	Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền

Ghi chú: Tất cả nguyên liệu, vật tư, linh kiện cấu thành máy tính bảng phải là sản phẩm mới.

Phụ lục II

MẪU BIỂU HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ HỖ TRỢ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mẫu số 01/DS - MTB, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

UBND tỉnh, thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025

STT	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã	Họ và tên chủ hộ	CMND/CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hộ gia đình	Ghi chú
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*

....., ngày... tháng... năm.....

Chủ tịch UBND tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,....

- Cột (3) Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

+ ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

Mẫu số 02/BBBG - MTB, Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

BIÊN BẢN BÀN GIAO MÁY TÍNH BẢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025

Hôm nay, vào hồi..... ngày... tháng... năm....., tại..... chúng tôi gồm:

I. BÊN GIAO THIẾT BỊ.. (tên Nhà thầu cung cấp thiết bị)

Họ và tên:..... Số điện thoại:.....

Chức vụ:.....

II. BÊN NHẬN THIẾT BỊ CHO HỘ GIA ĐÌNH (có Danh sách kèm theo)

III. CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỨNG KIẾN BÀN GIAO

1. Đại diện UBND xã.....

Họ và tên:..... Số điện thoại:.....

Chức vụ:.....

2. Đại diện của các cơ sở giáo dục:

a) Tên trường:.....

Họ và tên:..... Số điện thoại:.....

Chức vụ:.....

b) Tên trường:.....

Họ và tên:..... Số điện thoại:.....

Chức vụ:.....

IV. NỘI DUNG BÀN GIAO

Nhà thầu thực hiện bàn giao thiết bị máy tính bảng tại.... (ghi rõ địa điểm bàn giao thiết bị) cho..... (ghi rõ số lượng) hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình nhận máy tính bảng kèm theo.

1. Thiết bị, số lượng bàn giao:

.....

2. Các phụ kiện kèm theo

.....

3. Hiện trang thiết bị bàn giao

.....

V. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ HỘ GIA ĐÌNH

1. Ý kiến của các hộ gia đình:

.....

2. Ý kiến của các cơ quan tại địa bàn xã:

.....

Biên bản này lập thành 05 bản, nhà thầu giữ 03 bản, UBND xã giữ 01 bản và 01 bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC**	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÀ THẦU:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH NHẬN BÀN GIAO MÁY TÍNH BẢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025

Tại xã:..... huyện..... tỉnh, thành phố.....

(Kèm theo Biên bản bàn giao máy tính bảng ngày..... tháng..... năm.....)

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ	Số thứ tự trong danh sách được UBND tỉnh phê duyệt	Địa chỉ	Người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng			Tên thiết bị	Mã số thiết bị (IMEI)	Thời điểm bàn giao	Hiện trạng thiết bị khi nhận bàn giao	Chữ ký người nhận
							Họ tên	Số CMND/ CCCD/ Mã số định danh	Số điện thoại (nếu có)					
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1														
2														
3														
...														

....., ngày... tháng... năm.....

Đại diện Nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND xã

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Báo cáo này do Nhà thầu cung cấp thiết bị máy tính bảng lập, được gửi kèm theo Biên bản bàn giao thiết bị giữa nhà thầu với đại diện hộ gia đình (có sự chứng kiến của UBND xã và cơ sở giáo dục trên địa bàn xã).

Các trang của Danh sách được đóng dấu giáp lai cùng với Biên bản.

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi số thứ tự của hộ trong danh sách được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Cột (3): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,....

- Cột (4): Ghi họ tên người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng.

- Cột (5): Ghi số CMND hoặc CCCD hoặc mã số định danh của người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng.

- Cột (6): Ghi số điện thoại người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng (nếu có).

- Cột (7): Ghi tên hiệu máy tính bảng (thương hiệu máy).

- Cột (8): Ghi mã số thiết bị IMEI.

- Cột (9): Ghi ngày, tháng, năm bàn giao máy tính bảng.

- Cột (10): Ghi tình trạng máy tính bảng khi bàn giao (hoạt động bình thường/không hoạt động được,...).

- Cột (11): Chữ ký người nhận máy tính bảng.

NHÀ THẦU:.....

Mẫu số 03/BCKP-MTB, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

BÁO CÁO TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN GÓI THẦU CUNG CẤP MÁY TÍNH BẢNG

Tên gói thầu:.....

STT	**Mã tỉnh, huyện, xã**	**Tên tỉnh, huyện, xã**	**Số lượng hộ được cung cấp máy tính bảng theo Danh sách UBND tỉnh phê duyệt** (hộ)	**Số lượng thiết bị đã bàn giao** (máy)	**Đơn giá** (đồng/máy)	**Giá trị thực hiện** (đồng)	**Số thiết bị chưa bàn giao** (máy)	**Giá trị chưa thực hiện** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=2x3*	*5*	*6 =5x3*	*7*
1									
2									
...									
		Cộng	x	x		x	x	x	

....., ngày..... tháng..... năm.....

LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU[1]

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã tỉnh, mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên tỉnh, mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (1): Là người đại diện nhà thầu theo quy định của pháp luật tại Hợp đồng cung cấp máy tính bảng.

- Cột (2): Ghi số lượng máy tính bảng đã bàn giao.

- Cột (3): Ghi đơn giá máy tính bảng.

- Cột (4): Ghi giá trị máy tính bảng đã thực hiện bàn giao.

- Cột (5): Ghi số lượng máy tính bảng chưa thực hiện bàn giao.

- Cột (6): Ghi giá trị máy tính bảng chưa thực hiện bàn giao.

- Cột (7): Ghi nguyên nhân/Lý do chưa thực hiện bàn giao máy tính bảng.

Mẫu số 04/KH-DV, Phụ lục II

Doanh nghiệp:...

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Năm.....

Trên địa bàn tỉnh, thành phố:.....

STT	Tháng hỗ trợ	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất			Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất			Ghi chú
		Sản lượng (thuê bao)	*Mức hỗ trợ (đồng/thuê bao/tháng)*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (thuê bao)*	*Mức hỗ trợ (đồng/thuê bao/tháng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3 = 1 x 2*	*4*	*5*	*6 = 4 x 5*	*7*
1	Tháng 01							
2	Tháng 02							
...	....							
12	Tháng 12							
	Tổng							

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05/ĐK-DVPC, Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025)(1)

Kính gửi(2): Doanh nghiệp..... *[Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ]*

Họ và tên Chủ hộ (3):.....
Số CMND/CCCD/Mã số định danh của chủ hộ (4):.....
Địa chỉ(5):.....
Đối tượng hộ gia đình(6):.....
Người đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ (7):.....
Số CMND/CCCD/Mã số định danh (8):.....
Nghề nghiệp (9):.....
Địa chỉ (10):.....
Quan hệ với chủ hộ (11):.....

Hiện nay, tôi có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp cung cấp như sau (12):

□ Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;

□ Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

Tôi cam kết hiện tại hộ gia đình tôi chưa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập ở bất kỳ doanh nghiệp viễn thông nào. Tôi đề nghị Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập nêu trên cho hộ gia đình sử dụng từ ngày... tháng.... năm.....(14)

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng... năm...
CHỦ HỘ/CHỦ THUÊ BAO(14)
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Phiếu này do các chủ hộ gia đình lập khi có nhu cầu đăng ký được hưởng hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích.

(2) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(3) Ghi tên chủ hộ gia đình.

(4) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ hộ.

(5) Ghi địa chỉ hiện tại của hộ gia đình (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).

(6) Ghi đối tượng hộ gia đình như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

+ ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

(7) Ghi họ tên người đứng tên đăng ký chủ thuê bao sử dụng dịch vụ.

(8) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ thuê bao.

(9) Ghi nghề nghiệp của chủ thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ.

(10) Ghi địa chỉ hiện tại của chủ thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).

(11) Ghi quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/Con/Cháu/...) trong trường hợp người đứng tên chủ thuê bao không phải là chủ hộ.

(12) Chỉ đánh dấu 01 dịch vụ viễn thông công ích có nhu cầu nhận hỗ trợ như sau:

+ Đối với hộ gia đình thường trú tại các khu vực xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo và khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông: Hộ gia đình chọn và đánh dấu [X] vào (đầu dòng) ghi tên một trong hai dịch vụ.

+ Đối với hộ gia đình thường trú ngoài các khu vực nêu trên: Chỉ đánh dấu [x] vào đầu dòng ghi tên dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông di động.

(13) Ghi ngày, tháng, năm đề nghị doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

(14) Chủ hộ/chủ thuê bao ký và ghi rõ tên (trường hợp chủ thuê bao không phải là chủ hộ thì người đại diện gia đình đứng tên chủ thuê bao phải có tên trong sổ hộ khẩu/Giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo và ghi rõ mối quan hệ với chủ hộ như hướng dẫn tại điểm (11) trên).

Mẫu số 06/CĐ-DVPC, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2022/TT-BTTTT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI/NGỪNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH (1)

Kính gửi: Doanh nghiệp(2)..... *[Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ]*

Họ và tên Chủ hộ (3):.....
Số CMND/CCCD/Mã số định danh của chủ hộ (4):.....
Địa chỉ(5):.....
Đối tượng hộ gia đình(6):.....
Họ tên chủ thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ (7):.....
Số CMND/CCCD/Mã số định danh (8):.....
Mã số/Số thuê bao (9):.....
Số hợp đồng cung cấp dịch vụ (10):.....

Hiện nay, tôi đang sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp cung cấp và đề nghị thay đổi sử dụng dịch vụ như sau:

1. Đề nghị thay đổi dịch vụ được hỗ trợ do doanh nghiệp cung cấp:

a) Dịch vụ đang sử dụng(11):

□ Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;

□ Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

b) Đề nghị được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập khác (12):

□ Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;

□ Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

Thời gian thay đổi sang sử dụng dịch vụ trên từ ngày.. tháng...năm (13).....

2. Đề nghị ngừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp *[ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ]* để chuyển sang doanh nghiệp mới *[ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyển đến]* (14) từ ngày.....tháng....năm (15).....

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng... năm...
CHỦ HỘ/CHỦ THUÊ BAO (16)
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

DOANH NGHIỆP ĐANG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH XÁC NHẬN(17)
Dừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho thuê bao.....
từ tháng.... năm....
(*Đại điện doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Phiếu này do các chủ hộ gia đình lập khi ngừng hoặc thay đổi hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích.

(2) Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(3) Ghi tên chủ hộ gia đình.

(4) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ hộ.

(5) Ghi địa chỉ hiện tại của hộ gia đình (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).

(6) Ghi đối tượng gia đình như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

+ ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

(7) Ghi họ tên chủ thuê bao sử dụng dịch vụ.

(8) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ thuê bao.

(9) Ghi mã thuê bao sử dụng dịch vụ.

(10) Ghi số hợp đồng cung cấp dịch vụ.

(11) Chỉ đánh dấu một dịch vụ viễn thông công ích đang sử dụng.

(12) Đánh dấu vào một dịch vụ mới muốn sử dụng.

(13) Ghi ngày, tháng, năm chủ thuê bao muốn thay đổi dịch vụ. (Lưu ý ghi tròn tháng và từ tháng tiếp theo).

(14) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông chuyển đến.

(15) Ghi ngày, tháng, năm chủ thuê bao muốn ngừng sử dụng dịch vụ. (Lưu ý ghi tròn tháng và từ tháng tiếp theo).

(16) Chủ hộ/chủ thuê bao ký tên.

(17) Chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp hộ gia đình có nhu cầu thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.